TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 16/01/2025
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và Bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T – sinh năm 1998.

Nơi ĐKHKTT: Xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Doãn K – sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày: Chị Vũ Thị T và anh Doãn K sau khoảng một năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 08 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh K ham chơi, nợ nần nhiều, không tu chí làm ăn và thường xuyên xúc phạm chị bản thân chị vì con cái đã cố gắng nín nhịn, cùng anh K trang trải nợ nần để khắc phục mâu thuẫn nhưng anh K không thay đổi, vẫn chứng nào tật đấy. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đã về nhà

bố mẹ đẻ chị ở xã Đ để ở từ đầu năm 2023 cho đến nay, đồng thời vợ chồng sống ly thân nhau không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh K có một con chung cháu Doãn Ngọc V sinh ngày 02 tháng 10 năm 2017. Hiện đang ở cùng với chị T. Nay ly hôn chị nhận nuôi cháu V. Chị yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là 2.000.000đ/ tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh K không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Doãn K hiện đang cư trú tại xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Doãn K và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh K thông qua bố đẻ của anh K là ông Doãn H, ông H cam kết giao ngay tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh K. Bản thân anh K biết việc chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh K không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án. Cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Con chung của anh chị là cháu Doãn Ngọc V sinh ngày 02 tháng 10 năm 2017 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con, tại bản tự khai ngày 24 tháng 10 năm 2024 cháuVy trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Doãn K.
- Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Doãn Ngọc V sinh ngày 02 tháng 10 năm 2017 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống

Anh Doãn K có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là 2.000.000đ/ tháng Anh K có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Vũ Thị T nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Anh Doãn K phải nộp án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị T có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Doãn K có nơi cư trú tại: Xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Doãn K, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Doãn K có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 08 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống cùng gia đình anh K tại xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. chị T cho rằng bản thân anh K ham chơi, không tu trí làm ăn, nợ nần nhiều và còn đánh đập, chửi bới xúc phạm chị, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Gia đình hai bên cũng đã phân tích hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị T và anh K đã sống ly thân nhau hai năm nay mỗi người một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh K biết việc chị T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh K, nhưng anh K không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án đồng thời không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh K có thái độ bỏ mặc và không thiện trí trong việc giải quyết vụ án và hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng và chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N thể hiện: Anh K và chị T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND xã N. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng gia đình gia đình anh K ở xóm A, xã N. Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, qua nắm bắt tại chính quyền sơ sở được biết việc anh K chị T mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vấn đề làm ăn kinh tế. Được biết năm 2023 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở xã Đ làm ăn sinh sống, đồng thời anh chị sống ly thân nhau. Con chung của chị T và anh K có một con chung cháu Doãn Ngọc V sinh ngày 02 tháng 10 năm 2017 hiện đang ở cùng chị T. Về mức thu nhập của chị T và anh K do cả hai anh chị làm tự do nên chính

quyền cơ sở không nắm được cụ thể mức thu nhập của hai anh chị. Nay chị T xin ly hôn anh K đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau hơn một năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có một con chung cháu Doãn Ngọc V sinh ngày 02 tháng 10 năm 2017. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung của hai vợ chồng và yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu V là 2.000.000đ/ tháng. Về phía anh K không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Hiện cháu V đang ở cùng với chị T, nay để không làm ảnh hưởng sự phát triển bình thường của con và đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi ly hôn và theo nguyện vọng của cháu V muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn nên cần giao cháu V cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung thành niên và tự lập được cuộc sống.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho các con chung trong vụ án hôn nhân gia đình thì cần buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Doãn Ngọc V là 2.000.000đ/ tháng là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Doãn K phải nộp 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng để sung ngân sách nhà nước

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Doãn K (Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao

cháu Doãn Ngọc V sinh ngày 02 tháng 10 năm 2017 cho chị Vũ Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Doãn K có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T là 2.000.000đ/ tháng.Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 2/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh K có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày chị Vũ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Doãn K không thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo thỏa thuận thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001888 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình. Anh Doãn K phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng để sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã N, huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.